

Bản án số: 11/2020/DS-ST.  
Ngày: 14-8-2020.  
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phước Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Châu.

Ông Lý Thanh Chiều.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Yến là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng đặt cọc, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Phước L, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

***Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phước L:*** Anh Kim Điền P; địa chỉ liên hệ: Ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Bích H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H); nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện lập ngày 27 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn anh Nguyễn Phước L trình bày:*

Anh L với anh Nguyễn Văn Bích H (Nguyễn Văn H) là chỗ làm ăn với nhau, vì anh L thường giao tiền cho anh H đi bỏ (đặt) cọc lúa cho anh L. Vào ngày 20 tháng 02 năm 2019 anh L có giao cho anh H số tiền cọc lúa 80.000.000 đồng để đặt cọc mua lúa và đến ngày 26 tháng 02 năm 2019 anh L tiếp tục giao thêm cho anh H số tiền đặt cọc mua lúa 150.000.000 đồng. Tổng số tiền cọc lúa mà anh L giao cho anh H là 230.000.000 đồng.

Đến đầu tháng 3 năm 2019, anh L xuống để nhận lúa thì anh H nói do bị người dân lừa bán lúa cho người khác nên không có lúa giao cho anh L và hứa hẹn trả tiền cọc lại cho anh L. Anh L nhiều lần đến đòi tiền cọc lúa thì anh H hứa lấy tiền cọc được sẽ trả đủ cho anh L và anh H làm giấy nợ anh L số tiền 150.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng thì anh H nói để anh H trả khỏi làm giấy tờ, nhưng vào khoảng tháng 4 năm 2019, anh H chỉ trả cho anh L được 30.000.000 đồng và anh H còn nợ lại anh L tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Anh L yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Bích H phải trả cho anh L số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 200.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 7 năm 2020, anh L trình bày: Theo nội dung đơn khởi kiện anh L yêu cầu anh Nguyễn Văn Bích H (Nguyễn Văn H) phải trả cho anh L số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ tổng cộng 200.000.000 đồng. Nay anh H thừa nhận còn nợ anh L số tiền 120.000.000 đồng. Anh L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh H trả cho anh L số tiền đặt cọc lúa còn nợ 120.000.000 đồng và anh L cũng không yêu cầu anh H phải trả một số tiền tương đương số tiền đặt cọc anh H còn nợ. Đối với số tiền đặt cọc mua lúa 80.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 23 tháng 02 năm 2019, khi nào anh L có chứng cứ thì anh L sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày bổ sung như sau: Theo đơn khởi kiện anh L trình bày ngày 20/02/2019, anh L giao tiền cho anh H đi đặt cọc mua lúa 80.000.000 đồng, thì đến ngày 23/02/2019 anh H làm hợp đồng mua bán lúa với ông Trần Văn T1 và đặt cọc số tiền 80.000.000 đồng và đến ngày 26/02/2019, anh L tiếp tục giao cho anh H số tiền 150.000.000 đồng để anh H làm hợp đồng mua bán lúa với ông Trần Quốc T2 và đặt cọc số tiền 150.000.000 đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 3 năm 2020, anh Nguyễn Văn Bích H (Nguyễn Văn H) trình bày:*

Tên đúng theo giấy chứng minh nhân dân của anh H là Nguyễn Văn Bích H. Anh H làm nghề “cò” mua lúa, anh H có quen biết với anh Nguyễn Phước L.

Đối với Hợp đồng mua bán lúa lập ngày 23/02/2019 thể hiện bên bán lúa là ông Trần Văn T1; địa chỉ ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, bên mua có ghi tên

Nguyễn Văn H, không có ký tên, thì hợp đồng này không do anh H viết và anh H cũng không có ký tên, ghi tên Nguyễn Văn H vào bên mua và anh H cũng không có nhận số tiền đặt cọc mua lúa 80.000.000 đồng từ anh L để giao cho ông Trần Văn T1, anh H có chứng kiến việc anh L giao số tiền đặt cọc trực tiếp cho ông T1 là 80.000.000 đồng (nội dung hợp đồng mua lúa GVT, diện tích 300 công, khoảng 240 tấn), hợp đồng này do ai lập anh H không biết.

Đối với Hợp đồng mua bán lúa ghi “ngày 02 tháng 2019 năm 2019”, thì hợp đồng này lập sau thời điểm anh H chứng kiến việc anh L giao tiền cọc 80.000.000 đồng cho ông T1 khoảng trên 10 ngày. Nội dung hợp đồng thì anh H đại diện bên mua và ông Trần Quốc T2, địa chỉ ấp L, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đại diện bên bán, nội dung là mua bán lúa Đài thơm 8, số lượng khoảng 450 – 500 tấn lúa, giá 4.600 đồng/01 kg. Anh H nhận từ anh L số tiền 150.000.000 đồng rồi đặt cọc cho Trần Quốc T2 để mua lúa nhưng đến thời gian cắt và giao lúa thì anh T2 không giao lúa cho anh H mà đã bán lúa cho người khác nên anh H không giao lúa lại cho anh L theo thỏa thuận hợp đồng được. Sau đó, trong tháng 3 năm 2019, anh H có làm “Giấy nợ” với anh L nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng và khoảng 10 ngày sau anh H có trả cho anh L được số tiền 30.000.000 đồng. Giấy nợ lập không ghi ngày, có ghi tháng 3 năm 2019 thì do anh H tự ghi nội dung, tự ký tên và ghi họ tên Nguyễn Văn Bích H vào hợp đồng và giấy nợ. Nay anh H đồng ý trả số tiền đặt cọc mua lúa 120.000.000 đồng do anh H còn nợ anh L. Đối với số tiền 80.000.000 đồng, anh H không có nhận nên không đồng ý trả cho anh L.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 120.000.000 đồng. Xét thấy, bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền cọc 120.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 120.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi anh Nguyễn Phước L nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện là anh Nguyễn Văn Bích H (Nguyễn Văn H) cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Anh L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Bích H phải trả số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 200.000.000 đồng. Anh L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú đã thụ lý đơn và thông báo cho anh L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và anh L đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của anh Nguyễn Phước L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Nay anh H thừa nhận còn nợ anh L số tiền đặt cọc mua lúa 120.000.000 đồng. Anh L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh H trả cho anh L số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 120.000.000 đồng. Đối với số tiền đặt cọc mua lúa 80.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 23 tháng 02 năm 2019, khi nào anh L có chứng cứ thì anh L sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác. Xét thấy, việc thay đổi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H phải trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 120.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H thừa nhận còn nợ nguyên đơn anh Nguyễn Phước L số tiền đặt cọc mua lúa là 150.000.000 đồng, có làm giấy nợ vào tháng 3 năm 2019, không có ghi ngày, giấy nợ do anh H tự ghi, ký tên và ghi họ và tên vào người nhận nợ. Sau đó, anh H có trả cho anh L được số tiền 30.000.000 đồng nên còn nợ lại anh L số tiền đặt cọc mua lúa 120.000.000 đồng và anh L thống nhất với lời trình bày của anh H. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận anh Nguyễn Văn Bích H còn nợ anh Nguyễn Phước L số tiền đặt cọc mua lúa 120.000.000 đồng là sự thật.

[5] Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Dân sự quy định về đặt cọc, thì tại khoản 1 quy định: “Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng” và tại khoản 2 quy định: “Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Căn cứ vào quy định này, thì vào tháng 02 năm 2019, anh Nguyễn Phước L đã giao số tiền 150.000.000 đồng cho bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H để đặt cọc mua lúa nhưng đến hạn anh H không thực hiện giao lúa cho anh L. Như vậy, anh H đã từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng nên anh H phải có nghĩa vụ trả lại cho anh L số tiền đặt cọc đã nhận 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh đã trả cho anh L số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, anh H còn nợ anh L số tiền 120.000.000 đồng nên anh H phải có nghĩa vụ trả lại cho anh L số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 120.000.000 đồng. Anh L không yêu cầu anh H phải trả thêm một khoản tiền tương đương số tiền đặt cọc mua lúa do anh H còn nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước L, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Phước L số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 120.000.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Nguyễn Văn Bích H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $5\% \times 120.000.000 \text{ đồng} = 6.000.000 \text{ đồng}$ .

[9] Nguyên đơn anh Nguyễn Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 328 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước L.
2. Xử buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H (Nguyễn Văn H) phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Phước L số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Nguyễn Phước L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng anh Nguyễn Văn Bích H (Nguyễn Văn H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

### 3. Về án phí:

3.1. Bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Phước L số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0000463 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Nguyễn Văn Bích H (Nguyễn Văn H) vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng  
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**Đặng Phước Tuấn**